

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 100/2026/HSST.

Ngày: 16 - 6 - 2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lý Thị Vinh;

Ông Đặng Xuân Tư.

- Thư ký phiên toà: Bà Cà Thị Giang - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La tham gia phiên toà:
Ông Hà Văn Liên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12, 16 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2025/HSST, ngày 26/12/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2026/QĐXXST-HS, ngày 23/02/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2026/QĐST-HS, ngày 09/3/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2026/QĐST-HS, ngày 07/4/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2026/QĐST-HS, ngày 06/5/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2026/QĐST-HS, ngày 04/6/2026 đối với bị cáo:

Là Văn P (tên gọi khác: Không), sinh ngày 05/3/1984 tại **xã QN, tỉnh Sơn La**; nơi cư trú: Bản B, xã QN, tỉnh Sơn La; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; dân tộc: Thái; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại chi bộ Bản B1 thuộc Đảng bộ xã QN, tỉnh Sơn La. Đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng (theo Quyết định số 03-QĐ/UBKTĐU, ngày 19/9/2025 của Đảng bộ xã QN, tỉnh Sơn La); con ông: Là Văn B, sinh năm: 1964 và bà Là Thị L sinh năm: 1964; bị cáo có vợ: Lù Thị L1, sinh năm 1989 và 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2019; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt ngày 15/9/2025. Có mặt.

Bị hại: Anh Hoàng Văn B, sinh năm: 1988; địa chỉ: Tổ A, phường TH, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Tòng Văn S; sinh năm: 1991; địa chỉ: Bản N, xã ME, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Anh Là Văn N; sinh năm: 1987; địa chỉ: Bản B1, xã QN, tỉnh Sơn La. Có

mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2020 Là Văn P cho Tòng Văn S vay số tiền 20.000.000 đồng mua máy xúc. Đến tháng 5 năm 2023, Là Văn P gọi điện cho Tòng Văn S đòi số tiền 20.000.000 đồng. Tòng Văn S nói chưa có khả năng trả vì còn phải trả lãi Ngân hàng. Là Văn P và Tòng Văn S đã bàn bạc với nhau mang chiếc máy xúc của Tòng Văn S (nhãn hiệu KOBELCO, BKS: 26XA-0414) vào huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La để ủi xúc thuê lấy tiền, lợi nhuận chia đôi. Là Văn P đưa cho Tòng Văn S 20.000.000 đồng để đi trả lãi Ngân hàng. Đến ngày 05/5/2023 sau khi san ủi cho 04 hộ gia đình tại xã QN thì Là Văn P đã đưa cho Tòng Văn S số tiền 29.000.000 đồng.

Đến ngày 28/5/2023 do cần tiền chi tiêu cá nhân và sắp đến hạn đưa tiền cho Tòng Văn S trả tiền lãi Ngân hàng như đã hứa, Là Văn P đã nảy sinh ý định mang chiếc máy xúc của Tòng Văn S đi cầm cố để lấy tiền. Sau đó Là Văn P đã gọi cho Hoàng Văn B (chủ cửa tiệm cầm đồ HB 02 - Công ty cổ phần BT, Sơn La); địa chỉ: Tổ A, phường TH, tỉnh Sơn La nói Là Văn P có một chiếc máy xúc, muốn cầm cố lấy số tiền 100.000.000 đồng. Hoàng Văn B đồng ý và bảo Là Văn P mang máy xúc đến cây xăng ĐT (địa chỉ: tiểu khu 2, xã QN, tỉnh Sơn La) để Hoàng Văn B vào xem và bảo Là Văn P ra lấy tiền trực tiếp.

Ngày 30/5/2023 Là Văn P bàn với Tòng Văn S: “ *Không vay được tiền trả lãi ngân hàng, mang máy xúc đi cầm cố mấy ngày lấy 35.000.000 đồng*”, Tòng Văn S đồng ý, rồi cùng Là Văn P điều khiển chiếc máy xúc ra cây xăng ĐT và đưa chìa khoá của chiếc máy xúc cho Là Văn P và đi về trước. Sau đó Là Văn P một mình ra gặp Hoàng Văn B để trao đổi việc cầm cố chiếc máy xúc của Tòng Văn S. Là Văn P đã nói Hoàng Văn B chiếc máy xúc là của mình, muốn cầm cố 200.000.000 đồng, trong thời hạn một tháng sẽ chuộc chiếc máy xúc về. Hoàng Văn B đồng ý và hai bên có lập hợp đồng cầm cố chiếc máy xúc với tổng số tiền là 200.000.000 đồng.

Sau khi cầm cố được 200.000.000 đồng, Là Văn P đã chuyển cho Tòng Văn S 35.000.000 đồng như đã thoả thuận, còn 165.000.000 đồng Là Văn P đã tiêu xài cá nhân hết, dẫn đến không có khả năng trả tiền cho Hoàng Văn B.

Sau một thời gian Tòng Văn S gọi điện thoại nhiều lần cho Là Văn P để đi chuộc lại chiếc máy xúc và phát hiện không thấy chiếc máy xúc tại cây xăng ĐT. Ngày 10/01/2024 Tòng Văn S viết đơn tố giác hành vi của Là Văn P.

Ngày 24/02/2024, Cơ quan điều tra đã tạm giữ chiếc máy xúc có đặc điểm nêu trên.

Ngày 25/8/2025 anh Hoàng Văn B tố cáo Là Văn P có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Hoàng Văn B với số tiền 200.000.000 đồng.

Ngày 06/01/2024 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Nhai,

tỉnh Sơn La (nay là cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La) đã triệu tập Là Văn P lên làm việc, tại cơ quan điều tra Là Văn P đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐG ngày 12/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La kết luận: “Tổng giá trị tài sản chiếc máy xúc của Tòng Văn S có trị giá là 210.000.000 đồng”.

Tại Kết luận giám định số 787/KL-KTHS ngày 29/3/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: “1. Số động cơ 144740 là số nguyên thủy, 2. Số khung chỉ xác định được một ký tự là số 7”

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại anh Hoàng Văn B yêu cầu bị cáo Là Văn P bồi thường số tiền 200.000.000 đồng và các chi phí phát sinh. Ngày 10/6/2026 gia đình bị cáo Là Văn P đã bồi thường trước số tiền 20.000.000 đồng nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

Ngày 08/5/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La đã trả lại chiếc máy xúc nhãn hiệu KOBELCO, BKS: 26XA-0414 **cho Tòng Văn S.**

Tại Cáo trạng số: 37/CT-VKS - KV2, ngày 25/12/2025 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La truy tố ra trước Toà án nhân dân khu vực 2 - Sơn La để xét xử bị cáo Là Văn P về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La trong phần tranh tụng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Là Văn P về điểm, điều, khoản và tội danh trên.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Là Văn P phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Là Văn P mức án tù 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Là Văn P cho Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo Là Văn P có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (Phạt tiền) đối với bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La đã trả cho Tòng Văn S 01 chiếc máy xúc nhãn hiệu KOBELCO, BKS 26XA 0414 màu sơn xanh.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 47, Điều 48 Bộ

luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự:

Chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Là Văn P và bị hại Hoàng Văn B: Buộc bị cáo Là Văn P phải bồi thường cho bị hại anh Hoàng Văn B số tiền đã chiếm đoạt là 165.000.000 đồng, được khấu trừ vào số bị cáo Là Văn P đã tự nguyện nộp là 20.000.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho bị hại anh Hoàng Văn B số tiền 145.000.000 đồng.

Buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Tòng Văn S trả cho bị hại anh Hoàng Văn B số tiền 35.000.000 đồng.

- Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm cho bị cáo Là Văn P.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Tòng Văn S.

- Về quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa bị cáo Là Văn P đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nhất trí với nội dung bản Cáo trạng, luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Khi được nói lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền và án phí cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị hại anh Hoàng Văn B nhất trí như bản luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị bị cáo Là Văn P bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 165.000.000 đồng và đề nghị người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Tòng Văn S trả số tiền 35.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa ý kiến của người có quyền lợi anh Tòng Văn S: Bị cáo Là Văn P còn nợ anh một khoản tiền, nên số tiền 35.000.000 đồng anh sẽ trừ vào các khoản nợ giữa anh và bị cáo Là Văn P, nên không nhất trí trả cho bị hại anh Hoàng Văn B số tiền 35.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ý kiến của anh Là Văn N là người nộp tiền tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị cáo Là Văn P vào ngày 10/6/2026 với số tiền 20.000.000 đồng là tiền của bị cáo Là Văn P, do bị cáo Là Văn P không thể đi nộp trực tiếp được nên anh đi nộp thay, nay anh không có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra Công an tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tình tiết định tội, định khung hình phạt: Tại phiên tòa bị cáo Là Văn P thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, vẫn giữ nguyên lời khai như đã khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án và hoàn toàn nhất trí với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La. Bị cáo khẳng định việc khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và đúng với hành vi đã thực hiện.

Bị cáo Là Văn P thừa nhận: Ngày 30/5/2023, Là Văn P thỏa thuận với Tòng Văn S lấy chiếc máy xúc nhãn hiệu KOBELCO của Tòng Văn S đi cầm cố số tiền 35.000.000 đồng để cho Tòng Văn S trả lãi ngân hàng. Tòng Văn S đồng ý và để Là Văn P đi giao dịch cầm cố một mình. Lợi dụng việc bản thân là người trực tiếp đi giao dịch, Là Văn P đã đưa ra thông tin gian dối với anh Hoàng Văn B (chủ cửa tiệm cầm đồ HB 02 - Công ty cổ phần BT, Sơn La) mình là chủ sở hữu tài sản (chiếc máy xúc nhãn hiệu KOBELCO), anh Hoàng Văn B tin tưởng và đồng ý nhận cầm cố chiếc máy xúc trên với giá 200.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, Là Văn P đưa lại cho Tòng Văn S 35.000.000 đồng (bằng hình thức chuyển khoản), số tiền còn lại 165.000.000 đồng Là Văn P đã chiếm đoạt và tiêu xài cá nhân hết dẫn đến không có khả năng trả lại cho anh Hoàng Văn B.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với: Các bản tự khai của bị cáo; Biên bản ghi lời khai, Biên bản hỏi cung đối với bị cáo về thời gian, địa điểm, diễn biến việc thực hiện hành vi phạm tội; Biên bản ghi lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến và phù hợp với các chứng cứ khác trong hồ sơ.

Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận: Hành vi dùng thủ đoạn gian dối (đưa ra thông tin gian dối về quyền sở hữu tài sản) để chiếm đoạt phần tiền chênh lệch đã thỏa thuận với anh Tòng Văn S của bị hại anh Hoàng Văn B để chiếm đoạt số tiền 165.000.000 đồng của Là Văn P vào ngày 30/5/2023 đã phạm vào tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự có mức phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La truy tố và Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai cho bị cáo.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo Là Văn P là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của tổ chức, bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác, mục đích chiếm đoạt tài sản để tư lợi cho cá nhân. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội rất nghiêm trọng với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo còn gây mất trật tự, trị an xã hội tại địa phương.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo đã chủ động, tích cực bồi thường khắc phục thiệt hại cho bị hại là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo Là Văn P có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự trong quá trình sinh sống tại địa phương luôn chấp hành tốt đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú.

[5]. Bị cáo Là Văn P phạm tội lần đầu, không có tiền án, tiền sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, được chính quyền địa phương xác nhận là có nhân thân tốt, người phạm tội luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo được gia đình và chính quyền địa phương nơi cư trú bảo lãnh cho bị cáo được hưởng án treo. Sau khi phạm tội bị cáo ăn năn hối cải và có khả năng tự cải tạo. Xét bị cáo Là Văn P có đủ điều kiện cho hưởng án treo, căn cứ khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[6]. Bị cáo Là Văn P đang bị tạm giam, xét thấy bị cáo được xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo nên cần tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác. Căn cứ khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản, không có thu nhập. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Căn cứ khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[8]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc máy xúc nhãn hiệu KOBELCO, BKS 26XA 0414 màu sơn xanh Là Văn P mang đi cầm cố cho Hoàng Văn B. Quá trình điều tra xác định là xe của Tòng Văn S, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La đã trả lại cho Tòng Văn S chủ sở hữu hợp pháp là có căn cứ chấp nhận. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[9]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Chấp nhận việc thoả thuận giữa bị hại anh Hoàng Văn B và bị cáo Là Văn P tại phiên toà: Bị cáo Là Văn P phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại anh Hoàng Văn B là 165.000.000 đồng. Bị cáo Là Văn P đã tự nguyện nộp tiền bồi thường số tiền 20.000.000 đồng tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Sơn La. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 145.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu của bị hại anh Hoàng Văn B đề nghị anh Tòng Văn S phải trả lại số tiền 35.000.000 đồng cho anh Hoàng Văn B, anh Tòng Văn S không đồng ý. HĐXX xét thấy: Số tiền 35.000.000 đồng Tòng Văn S nhận từ Là Văn P là tiền Tòng Văn S đã thoả thuận và đồng ý để bị cáo Là Văn P mang đi cầm cố lấy số tiền 35.000.000 đồng, thực tế anh Tòng Văn S đã nhận số tiền trên từ bị cáo Là Văn P (bằng hình thức chuyển khoản) và anh Tòng Văn S cũng đã chi tiêu hết. Còn việc bị cáo Là Văn P nợ anh Tòng Văn S là một giao dịch dân sự khác không liên quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Là Văn P đối với bị hại anh Hoàng Văn B. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của bị hại anh Hoàng Văn B, buộc anh Tòng Văn S phải trả lại cho anh Hoàng Văn B số tiền 35.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

[10]. Về vấn đề khác liên quan đến vụ án:

Đối với Tòng Văn S là người đã thoả thuận, thống nhất với bị cáo Là Văn P mang chiếc máy xúc của mình đi cầm cố (cầm) lấy số tiền 35.000.000 đồng trong thời hạn ngắn (mục đích để lấy tiền cho Tòng Văn S trả tiền lãi Ngân hàng). Anh Tòng Văn S đồng ý và đã trực tiếp lái máy xúc và đưa chìa khoá cho bị cáo Là Văn P, bị cáo Là Văn P một mình thực hiện giao dịch vay tiền và cầm cố chiếc máy xúc với anh Hoàng Văn B. Anh Tòng Văn S không biết, không được thoả thuận, thống nhất về việc cầm cố với anh Hoàng Văn B. Sau khi nhận chiếc máy xúc, bị cáo Là Văn P đã không thực hiện đúng nội dung đã thoả thuận, có hành vi vượt quá phạm vi thoả thuận. Bị cáo Là Văn P đã tự ý mang chiếc máy xúc đi cầm cố với số tiền 200.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, bị cáo Là Văn P chỉ giao lại cho anh Tòng Văn S số tiền 35.000.000 đồng theo thoả thuận, còn lại 165.000.000 đồng đã sử dụng vào mục đích cá nhân và không có khả năng hoàn trả. Như vậy, Anh Tòng Văn S không có sự bàn bạc, thống nhất ý chí với bị cáo Là Văn P về việc thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản; hành vi của bị cáo Là Văn P là hành vi độc lập, vượt quá phạm vi thoả thuận với anh Tòng Văn S; anh Tòng Văn S không biết, không tham gia vào việc thực hiện hành vi gian dối của bị cáo Là Văn P và không có mục đích chiếm đoạt, không hưởng lợi từ hành vi chiếm đoạt của bị cáo Là Văn P. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La không đề cập đến việc xử lý đối với anh Tòng Văn S là có căn cứ chấp nhận.

Đối với anh Là Văn N là người đã đứng ra nộp 20.000.000 đồng tiền tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị cáo Là Văn P vào ngày 10/6/2026. Tại phiên toà anh Là Văn N xác định đây là tiền của bị cáo Là Văn P, do bị cáo Là Văn P không thể đi nộp trực tiếp được nên anh đã đứng ra đi nộp thay, nay anh không có ý kiến

gì thêm, cần được chấp nhận.

[11]. Về án phí: Bị cáo Là Văn P là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo xin được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm. Do vậy cần chấp nhận miễn toàn bộ án phí Hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Do yêu cầu của bị hại Hoàng Văn B được chấp nhận, buộc anh Tòng Văn S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên anh Tòng Văn S là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có yêu cầu miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Do vậy cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh Tòng Văn S.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[12]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

[13]. Về đề nghị của Kiểm sát viên: Đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và các vấn đề liên quan khác là phù hợp, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng, tội danh và hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Là Văn P phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Là Văn P 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16/6/2026).

Giao bị cáo Là Văn P cho Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo Là Văn P có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Là Văn P.

Căn cứ khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Là Văn P đang bị tạm giam, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

2.1. Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo Là Văn P và bị hại anh Hoàng Văn B: Buộc bị cáo Là Văn P phải bồi thường cho bị hại anh Hoàng Văn B số tiền 165.000.000 đồng (một trăm sáu mươi lăm triệu đồng), được khấu trừ vào số bị cáo Là Văn P đã tự nguyện nộp là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), theo biên lai thu tiền số 0000303, ngày 10/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho bị hại anh Hoàng Văn B số tiền 145.000.000 đồng (một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

2.2. Buộc anh Tòng Văn S phải trả lại cho anh Hoàng Văn B số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La đã trả lại cho Tòng Văn S 01 chiếc máy xúc nhãn hiệu KOBELCO, BKS: 26XA-0414 màu sơn xanh.

4. Về Án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Miễn nộp toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Là Văn P.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh Tòng Văn S.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo Là Văn P, bị hại anh Hoàng Văn B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16 tháng 6 năm 2026).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Tòng Văn S, anh Là Văn N quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16 tháng 6 năm 2026).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Sơn La;
- VKSND Tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2 - Sơn La;
- Phòng PV06 Công an tỉnh;
- Trại giam Công an tỉnh;
- Cơ quan THA hình sự Công an tỉnh;
- Phòng THADS khu vực 2 – Sơn La;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác ;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Thị Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Tư Lý Thị Vinh

Lường Thị Hương

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Sơn La;
- VKSND Tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2 - Sơn La;
- Phòng PV06 Công an tỉnh;
- Trại giam Công an tỉnh;
- Cơ quan THA hình sự Công an tỉnh;
- Phòng THADS khu vực 2 – Sơn La;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Thị Hương

Bị cáo Là Văn P thừa nhận: Ngày 30/5/2023, Là Văn P thỏa thuận với Tòng Văn S lấy chiếc máy xúc nhãn hiệu KOBELCO của Tòng Văn S đi cầm cố số tiền 35.000.000 đồng để cho Tòng Văn S trả lãi ngân hàng. Tòng Văn S đồng ý và để Là Văn P đi giao dịch cầm cố một mình. Lợi dụng việc bản thân là người trực tiếp đi giao dịch, Là Văn Phương đã đưa ra thông tin gian dối với anh Hoàng Văn B (chủ cửa tiệm cầm đồ HB 02 – Công ty cổ phần BT, Sơn La) mình là chủ sở hữu tài sản (chiếc máy xúc nhãn hiệu KOBELCO), anh Hoàng Văn B tin tưởng và đồng ý nhận cầm cố chiếc máy xúc trên với giá 200.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, Là Văn P đưa lại cho Tòng Văn S 35.000.000 đồng (bằng hình thức chuyển khoản), số tiền còn lại 165.000.000 đồng Là Văn P đã chiếm đoạt và tiêu xài cá nhân hết dẫn đến không có khả năng trả lại cho anh Hoàng Văn B.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với: Các bản tự khai của bị cáo; Biên bản ghi lời khai, Biên bản hỏi cung đối với bị cáo về thời gian, địa điểm, diễn biến việc thực hiện hành vi phạm tội; Biên bản ghi lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến và phù hợp với các chứng cứ khác trong hồ sơ.

Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận: Hành vi dùng thủ đoạn gian dối (đưa ra thông tin gian dối về quyền sở hữu tài sản) để chiếm đoạt phần tiền chênh lệch đã thỏa thuận với anh Tòng Văn S của bị hại anh Hoàng Văn B để chiếm đoạt số tiền 165.000.000 đồng của Là Văn P vào ngày 30/5/2023 đã phạm vào tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự có mức phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

Chưa sửa:

Bị cáo Là Văn P thừa nhận: Ngày 30/5/2023, Là Văn P thỏa thuận với Tòng Văn S lấy chiếc máy xúc nhãn hiệu KOBELCO của Tòng Văn S đi cầm cố số tiền 35.000.000 đồng để cho Tòng Văn S trả lãi ngân hàng. Tòng Văn S đồng ý và để Là Văn P đi giao dịch cầm cố một mình. Lợi dụng việc bản thân là người trực tiếp đi giao dịch, Là Văn P đã nảy sinh ý định gian dối về quyền sở hữu tài sản để cầm cố lấy số tiền lớn hơn mức đã thỏa thuận với Tòng Văn S, nhằm mục đích chiếm đoạt phần tiền chênh lệch. Với phương thức trên, Là Văn Phương đã đưa ra thông tin gian dối là chủ sở hữu tài sản, khiến Hoàng Văn B tin tưởng và đồng ý nhận cầm cố chiếc máy xúc trên với giá 200.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, Là Văn P đưa lại cho Tòng Văn S 35.000.000 đồng (bằng hình thức chuyển khoản), số tiền còn lại 165.000.000 đồng Là Văn P đã chiếm đoạt và tiêu xài cá nhân hết dẫn đến không có khả năng trả lại cho anh Hoàng Văn B.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với: Các bản tự khai của bị cáo; Biên bản ghi lời khai, Biên bản hỏi cung đối với bị cáo về thời gian, địa điểm, diễn biến việc thực hiện hành vi phạm tội; Biên bản ghi lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến và phù hợp với các chứng cứ khác trong hồ sơ.

Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận: Hành vi dùng thủ đoạn gian

đôi để chiếm đoạt của bị hại anh Hoàng Văn B số tiền 165.000.000 đồng của Là Văn P vào ngày 30/5/2023 đã phạm vào tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Đối với yêu cầu của bị hại anh Hoàng Văn B đề nghị anh Tòng Văn S trả lại số tiền 35.000.000 đồng cho anh Hoàng Văn B. HĐXX xét thấy: Số tiền 35.000.000 đồng Tòng Văn S nhận từ bị cáo Là Văn P là tiền Tòng Văn S đã thỏa thuận và đồng ý để bị cáo Là Văn P mang chiếc máy xúc của mình đi để cầm cố lấy số tiền 35.000.000 đồng, thực tế anh Tòng Văn S đã nhận đủ số tiền trên từ bị cáo Là Văn P (bằng hình thức chuyển khoản) và Tòng Văn S cũng đã chi tiêu hết số tiền trên. Việc anh Tòng Văn S trình bày bị cáo Là Văn P còn nợ anh Tòng Văn S một khoản tiền và sẽ trừ vào số tiền 35.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận vì đây là một giao dịch dân sự khác giữa bị cáo Là Văn P và anh Tòng Văn S, không liên quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo Là Văn P đối với bị hại anh Hoàng Văn B. Do vậy cần buộc anh Tòng Văn S phải trả lại cho anh Hoàng Văn B số tiền 35.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu của bị hại anh Hoàng Văn B đề nghị anh anh Tòng Văn S phải trả lại số tiền 35.000.000 đồng cho anh Hoàng Văn B. HĐXX xét thấy: Số tiền 35.000.000 đồng Tòng Văn S nhận từ Là Văn P là tiền Tòng Văn S đã thỏa thuận và đồng ý để bị cáo Là Văn P mang đi để cầm cố lấy số tiền 35.000.000 đồng, thực tế anh Tòng Văn S đã nhận số tiền trên từ Là Văn P (bằng hình thức chuyển khoản) và Tòng Văn S cũng đã chi tiêu hết. Còn việc bị cáo Là Văn P nợ anh Tòng Văn S là một giao dịch dân sự khác không liên quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Là Văn P đối với bị hại anh Hoàng Văn B. Do vậy cần buộc Tòng Văn S phải trả lại cho anh Hoàng Văn B số tiền 35.000.000 đồng.